TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **278**/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 10/4/2025
V/v: Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Dương Thị Lan Ngọc

Các hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Lương

2. Bà Nguyễn Thị Thu Thủy

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Trúc Quỳnh – Thư ký Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Bảo Ngọc – Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 4 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 936/2024/TLST–HNGĐ ngày 13 tháng 12 năm 2024 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 109/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 3 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số 59/2024/QĐST – HNGĐ ngày 31 tháng 3 năm 2025 và Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 142/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 31 tháng 3 năm 2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông **Phạm Trí V**, sinh năm 1977;

Địa chỉ: 8 C (số cũ 8 D), Phường F, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ liên lạc: A X, phường X, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Có đơn xin xét xử vắng mặt).

Bị đơn : Bà **Nguyễn Thị Ngọc T**, sinh năm 1981;

Địa chỉ: 8 C (số cũ 8 D), Phường F, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh

(Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 04/12/2024 và trong quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn ông Phạm Trí Việt trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ngày 06/01/2019, ông Phạm Trí Việt và bà Nguyễn Thị Ngọc Thúy đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường 6, quận Tân Bình,

Thành phố Hồ Chí Minh (theo Trích lục kết hôn số 621/TLKH-BS do Ủy ban nhân dân Phường 6 cấp ngày 30/10/2023).

Kể từ thời điểm kết hôn cho đến nay, cuộc sống hôn nhân của vợ chồng ông bà không còn hòa hợp, thường xuyên xảy ra mẫu thuẫn. Đã nhiều lần ông và bà Nguyễn Thị Ngọc Thúy cố gắng hàn gắn nhưng không có tiếng nói chung, thậm chí mâu thuẫn của ông bà còn trở nên trầm trọng và gay gắt. Mục đích hôn nhân của hai bên không đạt được, hai bên không thể thông cảm, chia sẻ với nhau trong cuộc sống gia đình. Ông nhận thấy việc tiếp tục chung sống với nhau không chỉ ảnh hưởng đến sức khỏe, công việc mà còn ảnh hưởng đến tâm lý hai bên. Do đó, ông làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà Nguyễn Thị Ngọc Thúy

Về con chung: Ông Việt khai hai bên không có con chung;

Về tài sản chung: Ông Việt khai hai bên không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Ông Việt khai hai bên không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Ngọc Thúy vắng mặt mặc dù đã được Tòa án tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án và giấy triệu tập làm bản tự khai, trình bày ý kiến; thông báo và giấy triệu tập tham gia phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; quyết định đưa vụ án ra xét xử và giấy triệu tập tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm nhưng đều vắng mặt không có lý do và cũng không có bất cứ ý kiến gì về vụ án.

Tại phiên tòa,

Nguyên đơn ông Phạm Trí Việt có đơn xin xét xử vắng mặt và theo nội dung đơn ông Việt đề nghị giữ nguyên nội dung đã trình bày trong đơn khởi kiện, bản tự khai, cụ thể: Về quan hệ hôn nhân: ông yêu cầu được ly hôn với bà Nguyễn Thị Ngọc Thúy; Về con chung: Ông Việt khai hai bên không có con chung; Về tài sản chung và nợ chung: Ông Việt khai hai bên không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Ngọc Thúy không có đơn xin xét xử vắng mặt và vắng mặt không có lý do chính đáng mặc dù đã được Tòa án tống đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử và giấy triệu tập tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm.

Tại đơn khởi kiện ngày 04/12/2024 và trong quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn ông Phạm Trí V trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ngày 06/01/2019, ông Phạm Trí V và bà Nguyễn Thị Ngọc T đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường F, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh (theo Trích lục kết hôn số 621/TLKH-BS do Ủy ban nhân dân Phường F cấp ngày 30/10/2023).

Kể từ thời điểm kết hôn cho đến nay, cuộc sống hôn nhân của vợ chồng ông bà không còn hòa hợp, thường xuyên xảy ra mẫu thuẫn. Đã nhiều lần ông và bà Nguyễn Thị Ngọc T cố gắng hàn gắn nhưng không có tiếng nói chung, thậm chí mâu thuẫn của ông bà còn trở nên trầm trọng và gay gắt. Mục đích hôn nhân của hai bên không đạt được, hai bên không thể thông cảm, chia sẻ với nhau trong cuộc sống gia đình. Ông nhận thấy việc tiếp tục chung sống với nhau không chỉ ảnh hưởng đến sức khỏe, công việc mà còn ảnh hưởng đến tâm lý hai bên. Do đó, ông làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà Nguyễn Thị Ngọc T

Về con chung: Ông V khai hai bên không có con chung;

Về tài sản chung: Ông V khai hai bên không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Ông V khai hai bên không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Ngọc T vắng mặt mặc dù đã được Tòa án tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án và giấy triệu tập làm bản tự khai, trình bày ý kiến; thông báo và giấy triệu tập tham gia phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; quyết định đưa vụ án ra xét xử và giấy triệu tập tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm nhưng đều vắng mặt không có lý do và cũng không có bất cứ ý kiến gì về vụ án.

Tại phiên tòa,

Nguyên đơn ông Phạm Trí V có đơn xin xét xử vắng mặt và theo nội dung đơn ông V đề nghị giữ nguyên nội dung đã trình bày trong đơn khởi kiện, bản tự khai, cụ thể: Về quan hệ hôn nhân: ông yêu cầu được ly hôn với bà Nguyễn Thị Ngọc T; Về con chung: Ông V khai hai bên không có con chung; Về tài sản chung và nợ chung: Ông V khai hai bên không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Ngọc T không có đơn xin xét xử vắng mặt và vắng mặt không có lý do chính đáng mặc dù đã được Tòa án tống đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử và giấy triệu tập tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Về việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử, những người tham gia tố tụng từ khi vụ án được thụ lý cũng như tại phiên Tòa hôm nay là đúng theo quy định pháp luật.

Những yêu cầu, kiến nghị để khắc phục vi phạm tố tụng: Không có

Về nội dung: Đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Ông Phạm Trí V khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà Nguyễn Thị Ngọc T do bà T cư trú tại quận T, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ Khoản 1 Điều 28; điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự thì thẩm quyền giải quyết yêu cầu khởi kiện của ông V thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân quận Tân Bình.

[2] Về việc tham gia phiên tòa của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình: Trong vụ án này, Tòa án tiến hành thu thập chứng cứ nên Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình tham gia phiên tòa sơ thẩm theo quy định tại Điều 21 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về sự có mặt của đương sự tại phiên tòa: Nguyên đơn ông Phạm Trí V có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn bà Nguyễn Thị Ngọc T dù Tòa án đã triệu tập hợp lệ bị đơn để trình bày ý kiến, tham dự phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ, tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm nhưng bị đơn đều vắng mặt không lý do.

Do đó căn cứ khoản 1 Điều 207, khoản 1 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án lập biên bản ghi nhận về việc không hòa giải được và tiến hành xét xử vắng mặt đương sự.

[4] Về quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn ông Phạm Trí V yêu cầu ly hôn với bị đơn bà Nguyễn Thị Ngọc T, Hội đồng xét xử nhận định:

Căn cứ vào Trích lục kết hôn số 621/TLKH-BS do Ủy ban nhân dân Phường F cấp ngày 30/10/2023 thì quan hệ hôn nhân giữa ông Phạm Trí V và bà Nguyễn Thị Ngọc T là hợp pháp, phù hợp với Luật Hôn nhân và gia đình.

Theo nội dung trình bày trong đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn ông Phạm Trí V vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn với bà Nguyễn Thị Ngọc T. Ông V khai hai bên không có con chung, tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ để triệu tập bị đơn bà Nguyễn Thị Ngọc T trình bày ý kiến và hòa giải nhưng bị đơn đều vắng mặt, điều này thể hiện bị đơn không mong muốn hòa giải, đoàn tụ, hàn gắn tình cảm vợ chồng.

Căn cứ Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình thì tình nghĩa vợ chồng là sự thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. Nguyên đơn vẫn cương quyết ly hôn thể hiện nguyên đơn không còn tình cảm, không muốn tiếp tục chung sống, duy trì tình nghĩa vợ chồng với bị đơn. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu ly hôn của nguyên đơn là có cơ sở nên được chấp nhận

[5] Về con chung: Nguyên đơn ông Phạm Trí V khai hai bên không có con chung.

[6] Về tài sản chung: Nguyên đơn ông Phạm Trí V khai hai bên không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[7] Về nợ chung: Nguyên đơn ông Phạm Trí V khai hai bên không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[8] Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm do nguyên đơn nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 68, khoản 3 Điều 144, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 207, khoản 1, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 271, Điều 273, khoản 1 Điều 280 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015;

Căn cứ Điều 19, Điều 56, Điều 57 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015; Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016; căn cứ điểm 1.1 khoản 1 mục II Danh mục án phí (Ban hành kèm theo Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016); Căn cứ Luật Thi hành án Dân sự;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phạm Trí V:

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Phạm Trí V được ly hôn bà Nguyễn Thị Ngọc T.

1.2. Về quan hệ con chung: Ông Phạm Trí V khai hai bên không có con chung.

1.3. Về tài sản chung: Ông Phạm Trí V khai hai bên không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

1.4. Về nợ chung: Ông Phạm Trí V khai hai bên không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí: Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng do ông Phạm Trí V chịu, được cấn trừ vào 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí ông Phạm Trí V đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003019 ngày 12/12/2024 của Chi cục Thi hành án Dân sự quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh

3. Về quyền kháng cáo, kháng nghị: Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc được niêm yết; Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình, Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh có quyền kháng nghị theo luật định.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình ;
- Viện kiểm sát nhân dân TP.Hồ Chí Minh ;
- Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình;
- Lưu VP, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Dương Thị Lan Ngọc